

KC-16

TẬP TRUNG HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở CƠ SỞ

Để phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) nói chung và hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu KH&CN nói riêng, đòi hỏi phải tăng cường công tác phối hợp quản lý và huy động các nguồn lực cho KH&CN, xã hội hóa hoạt động KH&CN. Đặc biệt, hiện nay Nhà nước coi doanh nghiệp, các tổ chức KH&CN là trung tâm để khuyến khích và hỗ trợ thúc đẩy các hoạt động KH&CN nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đất nước, của tỉnh và ở cơ sở.

Việc huy động các nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học ở cơ sở là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm phát huy hết nguồn lực để phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế- xã hội của ngành, địa phương, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, đảm bảo an sinh xã hội và giữ vững an ninh - quốc phòng.

Xây dựng cơ sở pháp lý và hình thành đội ngũ quản lý KH&CN ở cơ sở

Từ năm 2006 trở về trước, tỉnh Đồng Nai chỉ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, tỉnh không có nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Mặt khác kinh phí dành cho hoạt động KH&CN cấp cơ sở cũng chưa có. Nhận thấy, nhu cầu và tính cấp bách của các ngành, các huyện cần có cơ chế tài chính phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, trong thời gian qua, Sở KH&CN đã phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các văn bản giúp các ngành, địa phương trong việc triển khai các đề tài, dự án mang tính khả thi cao ở cơ sở. Đó là các cơ chế chính sách hỗ trợ kinh phí theo cơ chế 70/30 và 50/50 (70% và 50% kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh hỗ trợ các ngành, huyện và 30%, 50% kinh phí đối ứng của ngành, huyện tham gia để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở cơ sở). Cụ thể là các văn bản: Văn bản số 2182/UBND-PPLT ngày 06/4/2006; Văn bản số 1529/UBND-KT ngày 27/2/2008; Văn bản số 5843/UBND-KT ngày 23/7/2009; Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011; Văn bản số 4464/UBND-KT ngày 05/7/2011.

Với cơ chế chính sách được ban hành này, lần đầu tiên và duy nhất trong cả nước, tỉnh Đồng Nai đã huy động được nguồn lực để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học ở cơ sở.

Song song với việc tham mưu các văn bản và để triển khai tốt các văn bản này, Sở Khoa học và Công nghệ đã thành lập Phòng Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở nhằm hỗ trợ cho ngành, huyện trong hoạt động quản lý khoa học công nghệ (KH&CN).

Huy động nguồn nhân lực

Một câu hỏi đặt ra là làm sao để huy động được nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học ở cơ sở? Câu trả lời đã được Sở Khoa học và Công nghệ cùng với Ngành, UBND cấp huyện triển khai trong thời qua là: Hằng năm tổ chức Hội thảo xác định nhiệm vụ khoa học trên địa bàn huyện với thành phần lãnh đạo huyện ủy, UBND huyện, xã, các ban ngành của tỉnh, huyện và đại diện các viện, trường đại học. Hội thảo nhằm đánh giá tình hình hoạt động khoa học công nghệ của huyện, xác định nhiệm vụ KH&CN của huyện và có phân công các ngành của tỉnh, viện, trường đại học giúp huyện xây dựng thuyết minh nhiệm vụ trình Hội đồng khoa học công nghệ huyện hoặc tỉnh xét duyệt theo quy trình.



Hình: Hội thảo xây dựng kế hoạch năm 2013 đối với hoạt động KH&CN cấp huyện tại huyện Vĩnh Cửu

Cùng với việc triển khai các cơ chế tài chính và quy định về quản lý các đề tài, dự án đã được tỉnh ban hành trong thời gian qua, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các ngành, các huyện huy động các tổ chức, cá nhân có thể mạnh trong nghiên cứu, trong quản lý chuyên môn sâu thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính cấp thiết, có tính khả thi cao thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo, an ninh trật tự và nhất là lĩnh vực nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới. Qua việc thực hiện các nhiệm vụ này đã huy động được đội ngũ cán bộ, các nhà quản lý, nghiên cứu có trình độ, tâm huyết tham gia vào thực hiện các đề tài, dự án. Với việc tổ chức quản lý, triển khai 147 đề tài, dự án cấp cơ sở giai đoạn 2011-2017 đã huy động được trên 1300 người tham gia nghiên cứu (trung bình mỗi đề tài, dự án phải có từ 6-10 người có trình độ, kinh nghiệm tham gia nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ KHKT).

Ngoài việc huy động nguồn nhân lực tham gia thực hiện đề tài, dự án thì trong quá trình thực hiện đề tài, dự án cũng đã huy động được nhân lực từ các cơ quan, đơn vị khác tham gia góp ý, phản biện nhằm giúp nâng cao hiệu quả và tính khả thi khi thực hiện đề tài, dự án. Đặc biệt là việc huy động những người nông dân có kinh nghiệm, tay nghề tham gia vào quá trình nghiên cứu, đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên tại chỗ để giúp người nông dân thực hiện và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống, nâng cao thu nhập. Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đào tạo được 389 kỹ thuật viên, tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho 2880 hộ nông dân đây là đội ngũ nòng cốt để giúp cho các hộ nông dân khác ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học và kỹ thuật.



Giao ban KH&CN cấp huyện để tìm giải pháp thúc đẩy phát triển KH&CN cơ sở

Cùng với việc triển khai các đề tài, dự án này đã huy động hàng trăm hộ nông dân tham gia thực hiện với hàng ngàn ngày công đóng góp. Đây là nguồn nhân lực lớn góp phần thực hiện nhiệm vụ KH&CN thành công.

Huy động nguồn vốn, vật lực.

Vậy, việc huy động nguồn vốn, vật lực từ các ngành, các huyện và tổ chức, cá nhân được thực hiện như thế nào?

Đối với đề tài, dự án khoa học công nghệ có tính khả thi cao trong lĩnh vực giáo dục, y tế, công an và Liên hiệp các Hội KH&KT do ngành và UBND huyện quyết định thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ cho huyện 70% kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh và ngân sách ngành (hoặc cá nhân), huyện đầu tư 30%. Đề tài, dự án thuộc các ngành khác, Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ cho huyện 50% kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh và ngân sách huyện đầu tư 50%. Cơ chế này có tác động khuyến khích ngành, huyện chủ động soát xét tính khả thi của đề tài, dự án vì kinh phí khoa học công nghệ của tỉnh hỗ trợ cho huyện bao nhiêu là do chủ tịch UBND huyện quyết định, không phải do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Ngoài việc huy động nguồn vốn từ các ngành, các huyện để thực hiện đề tài, dự án mang tính khả thi cao cấp cơ sở, thì việc huy động nguồn vốn từ người dân khi tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cũng góp phần rất lớn. Đó là nhà nước chỉ hỗ trợ 30% kinh phí để mua vật tư, xây dựng nhà xưởng,... 70% còn lại là do người dân đóng góp. Mặt khác người dân khi tham gia các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở còn đóng góp về tài sản như nhà xưởng, đất đai, cây trồng lâu năm, con giống ... để các tổ chức nghiên cứu thực hành thí nghiệm và chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH&CN.



Hình: Kiểm tra tiến độ thực tế dự án: “Ứng dụng phương pháp ghép chuyển đổi nhanh “top working” vườn xoài Bưởi (xoài Ba mùa mưa) kém chất lượng ở huyện Định Quán sang giống xoài chất lượng cao” thực hiện theo cơ chế 50/50.

Hiệu quả đạt được từ việc huy động nguồn lực

Trong giai đoạn 2011-2017, trên địa bàn tỉnh đã và đang triển khai 147 đề tài, dự án cấp cơ sở, trong đó có 65 đề tài, dự án khoa học công nghệ, 82 đề tài khoa học xã hội và nhân văn, đã tổ chức tổng kết-nghiệm thu và đưa vào áp dụng thực tế đời sống sản xuất 111 đề tài, dự án cấp cơ sở (cấp huyện, ngành) (được thể hiện ở bảng dưới đây)

Tổng hợp số lượng đề tài/dự án cấp cơ sở triển khai giai đoạn 2011-2017

TT	Năm	Đề tài KHCN	Đề tài XHNV	Tổng số
1.	2011	6	19	25
2.	2012	13	17	30
3.	2013	11	17	28
4.	2014	5	14	19
5.	2015	7	5	12
6.	2016	7	1	8
7.	2017	16	9	25
	Tổng cộng	65	82	147

Kết quả thực hiện trong giai đoạn 2011-2017 ở các ngành, huyện cụ thể như sau:

TT	Tên đơn vị	Số lượng đề tài, dự án
1	Thành phố Biên Hòa	3
2	Thị xã Long Khánh	4
3	Huyện Trảng Bom	5
4	Huyện Long Thành	10
5	Huyện Nhơn Trạch	4
6	Huyện Cẩm Mỹ	4
7	Huyện Định Quán	4
8	Huyện Tân Phú	7
9	Huyện Thống Nhất	8
10	Huyện Xuân Lộc	5
11	Huyện Vĩnh Cửu	4
12	Bộ KH&CN và Viện Công nghệ vũ trụ	3
13	Ngành Y tế	36
14	Ngành công an	31
15	Liên hiệp các Hội KHKT	19
	Tổng cộng	147

Thông qua việc triển khai 147 đề tài, dự án cấp huyện, ngành đã tổ chức triển khai được 49 mô hình, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cho trên 163 ha cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh (tiêu, điều, cà phê, sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, xoài, bưởi, quýt...), đặc biệt là xây dựng các mô hình VietGAP, Global GAP, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho cây tiêu, sầu riêng..., tổ chức đào tạo được 389 kỹ thuật viên, tập huấn chuyên giao kỹ thuật cho 2880 hộ nông dân, tổ chức hội thảo đầu bờ cho 1580 hộ nông dân; hiệu quả kinh tế tăng lên 15-25% giá trị/ha cây trồng. Đã có hàng chục phương pháp, giải pháp được áp dụng trong khám và điều trị bệnh; 02 đề tài trực tiếp góp phần bào chế chế phẩm, cải thiện và phát huy tác dụng của một số loại thuốc sẵn có đã và đang được ngành y tế Đồng Nai sử dụng. Đã có hàng chục giải pháp được áp dụng trong ngành công an. Đồng thời cũng đã tạo mối liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ hàng hóa cho hàng chục hộ nông dân và ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các công ty trong và ngoài nước để bán sản phẩm làm ra.

Với việc huy động nguồn vốn, vật lực để thực hiện 147 đề tài, dự án khoa học trong giai đoạn 2011 – 2017 là trên 94,3 tỷ đồng. Trong đó, vốn từ ngân sách cấp Bộ là hơn 1,5 tỷ đồng; Ngân sách sự nghiệp khoa học tỉnh là trên 35,7 tỷ đồng; vốn đối ứng của huyện, ngành là hơn 28,5 tỷ đồng; vốn do nhân dân đóng góp là trên 28,5 tỷ đồng.



Thăm định Dự án phát hồ tiêu trên vùng đá lộ đầu tại huyện Thống Nhất.

PGS-TS. Phạm Văn Sáng cho biết, việc xây dựng mô hình quản lý mới cùng với những giải pháp đồng bộ cả về cơ chế, chính sách và tổ chức như trên đã làm cho hoạt động khoa học cấp cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực theo xu thế đổi mới, năng động và sáng tạo, đáp ứng kịp thời các nhu cầu bức xúc của thực tiễn sản xuất và đời sống. Các ngành, huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị mình. Công tác tham mưu tư vấn từng bước được cải thiện, chất lượng được nâng cao. Kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN của huyện/ngành tăng lên nhanh.

Đẩy mạnh nhiều giải pháp trong thời gian tới

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp Ủy Đảng, chính quyền và mọi tầng lớp nhân dân về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và xây dựng nông thôn mới.

- Huy động lực lượng toàn xã hội thông qua các tổ chức đoàn thể, Mặt trận tổ quốc, Liên đoàn lao động, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Liên hiệp các hội KH&KT,... tham gia vào các hoạt động KH&CN.

- Tăng cường mối quan hệ với Bộ KH&CN để tranh thủ sự hỗ trợ đối với các dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi, các chương trình hợp tác Quốc tế; Đẩy mạnh phối hợp, hợp tác với Tp.HCM và các tỉnh để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hoạt động, quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ; Phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất các giải pháp phát triển tiềm lực KH&CN, phát triển nguồn nhân lực KH&CN phục vụ thắng lợi cho sự nghiệp phát triển KT-XH của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về hoạt động KH&CN; Kiện toàn các Hội đồng KH&CN tỉnh, huyện và Hội đồng KH&CN chuyên ngành để làm tốt chức năng tham mưu, tư vấn các hoạt động KH&CN theo hướng gắn nghiên cứu với ứng dụng, gắn nghiên cứu với thực tế sản xuất và đời sống, nâng cao hiệu quả đầu tư KH&CN vào sản xuất và đời sống.

- Tăng cường phối hợp với UBND cấp huyện, và các Phòng, Ban chuyên môn cấp huyện để đẩy mạnh việc triển khai, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học từ các đề tài, dự án cấp huyện, cấp tỉnh và cấp bộ.

- Khuyến khích doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp gắn hoạt động sản xuất, kinh doanh với nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển khoa học trọng điểm của địa phương phục vụ phát triển bền vững như: KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới; Phát triển tài sản sở hữu trí tuệ; Chuyển giao, đổi mới công nghệ; Nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa...

- Triển khai có hiệu quả cơ chế hợp tác giữa tỉnh với các tổ chức KH&CN trong cả nước để huy động các nguồn lực cho phát triển. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học tham gia vào các hoạt động KH&CN ở địa phương. Thông qua quá trình hợp tác nhằm tiếp thu, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, phù hợp, góp phần phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Đổi mới hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý hoạt động KH&CN, thay đổi phương thức xác định, xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước và thực hiện khoán chi trong hoạt động KH&CN. Cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn thi hành và những quy định về KH&CN vào điều kiện thực tế của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện đề tài, dự án của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm.

- Thực hiện chính sách xã hội hóa trong KH&CN đối với các thành phần kinh tế, có cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy các thành phần kinh tế chủ động đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

ThS. Trần Tân Phong